



Quốc hội thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 (ngày 09/11/2023)

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023, NHẬN DIỆN CÁC ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG NĂM 2024

TS. CẦN VĂN LỰC VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU BIDV

2023 là năm nhiều khó khăn đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực đáng ghi nhận, được các tổ chức quốc tế đánh giá cao, tuy nhiên cũng phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức... Mục tiêu tăng trưởng GDP 6-6,5% cho năm 2024 là thách thức lớn, song mức tăng trưởng này vẫn khả thi nếu Việt Nam tận dụng tốt các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời nhạy bén, thích ứng, kiến tạo và phát huy tốt những động lực mới trong bối cảnh đã có nhiều thay đổi.

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2023

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu khó khăn, bất định từ năm 2020 đến nay, Việt Nam vẫn là nền kinh tế có khả năng chống chịu ở mức “trung bình - khá”, là một trong số ít các nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương năm 2020-2021, phục hồi ấn tượng trong năm 2022 (8,12%) và tăng trưởng khá năm 2023 (5,05%).

Mặc dù tốc độ tăng trưởng có chậm lại trong năm 2023 trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn và nhiều vấn đề nội tại bộc lộ, song Việt Nam đang dần lấy lại đà phục hồi, đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: (i) Quốc hội, Chính phủ ban hành nhiều cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH); (ii)

Kinh tế dần hồi phục, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước và cả năm đạt mức khá so với các nước trong khu vực và thế giới (cả năm 2023 tăng trưởng GDP đạt mức khá, 5,05%); (iii) Lạm phát được kiểm soát tốt dù còn chịu áp lực tăng; lạm phát (CPI) bình quân ở mức 3,25% năm 2023, thấp hơn so với mục tiêu 4,5%, cũng như thấp hơn so với dự báo của các tổ chức quốc tế (khoảng 3,8%); (iv) Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khởi sắc đạt được kết quả tích cực, tăng 32,1% nhờ sự tăng vốn của các đối tác lớn như Singapore, Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc...; tương tự, giải ngân vốn FDI năm 2023 đạt 23,2 tỷ USD, là mức kỷ lục mới trong vòng 7 năm, tăng 3,5% so với năm 2022, tập trung vào lĩnh vực chế biến, chế tạo với 19,08 tỷ USD (chiếm 82,3% tổng

BẢNG 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM, 2021-2023, DỰ BÁO 2024

	Các chỉ tiêu	2021	2022	2023	DB 2024
1	Tăng trưởng GDP (%/năm)	2,55	8,12	5,05	6,0 - 6,5
2	CPI bình quân (%/năm)	1,84	3,15	3,25	3,5 - 4
3	Chỉ số SXCN - IIP (%/năm)	4,7	7,8	3,02	5,5 - 6,0
4	Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	4.740 (-4,78%)	5.686 (+20%)	6.232 (+9,6%)	6.720 - 6.800 (+7,5 → 8%)
5	Xuất khẩu (tỷ USD)	336,2 (+18,9%)	371,7 (+10,6%)	355,5 (-4,4%)	373 - 380 (+5 → 7%)
6	Nhập khẩu (tỷ USD)	332,8 (+26,8%)	359,6 (+8%)	327,5 (-8,9%)	337 - 344 (+3 → 5%)
7	Cán cân thương mại (tỷ USD)	3,3	12,1	28	30 - 36
8	Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	31,15 (+9,2%)	27,72 (-11%)	36,6 (+32,1%)	38 - 40 (+5 → 8%)
9	Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	19,74 (-1,2%)	22,4 (+13,5%)	23,2 (+3,5%)	25 - 26 (+8% → 12%)
10	Tăng trưởng tín dụng (%)	13,61	14,18	13,5 *	13 - 14
11	Biên độ tỷ giá (USD/VND, so đầu năm, %)	1,2	-3,5	-2,61	-2 → -1
12	Bội chi ngân sách (% GDP)	2,52	3,6	0,14%	3,4 - 3,6
13	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP (%/năm)	37,1	43,8	40 - 41 *	~ 42
14	Tăng năng suất lao động bình quân (%/năm)	4,7	4,8	3,65	5 - 5,5
15	Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (điểm %/năm)	1,1	1,17	1	> 1%

Ghi chú: (*) ước tính

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Nghị quyết số 103/2023/QH15, Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV tổng hợp

vốn thực hiện); (v) Giải ngân đầu tư công tăng trưởng khá (21,2% so với năm trước), đạt 85,3% kế hoạch năm nhờ nỗ lực, quyết tâm lớn của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp (DN)... (vi) Lãi suất giảm mạnh, tỷ giá ổn định hơn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhờ thanh khoản hệ thống được cải thiện khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chuyển hướng điều hành chính sách tiền tệ nói lỏng, linh hoạt, hỗ trợ tăng trưởng (Mặt bằng lãi suất cho vay giảm xuống khoảng 1,5-2,5% so với cuối năm trước; trong khi đó, tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá trung tâm lần lượt tăng 2,6% và 1,2% so với cuối năm trước); (vii) Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, vị thế và uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng cao; mang lại nhiều xung lực quan trọng cho nền kinh tế, nhất là trong hợp tác chuyển đổi năng lượng, kinh tế xanh và chuyển đổi số. Tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+, triển vọng "Ổn định", do đánh giá cao về ổn định tài khóa, triển vọng tăng trưởng thuận lợi trong trung hạn (theo Fitch Ratings, 8/12/2023), IMF, WB, ADB... đều nhận định kinh tế Việt Nam tăng trưởng tích cực khoảng 5,5-6% hoặc có thể cao hơn trong năm 2024.

Tuy vậy, trong năm 2023, kinh tế Việt Nam cũng phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức và hạn chế, đó là: (i) Rủi ro và thách thức từ bối cảnh quốc tế vẫn hiện hữu và kéo dài; (ii) Các động lực tăng trưởng (xuất khẩu, tiêu dùng cuối cùng, sản xuất công nghiệp, đầu tư tư nhân) phục hồi chậm, chất lượng tăng trưởng chưa cải thiện; (iii) DN đối mặt với nhiều khó khăn; (iv) Tín dụng tăng chậm hơn, cả năm tăng 13,5% do khả năng hấp thụ vốn của DN và nền kinh tế còn yếu trong khi nợ xấu tăng cao; (v) Thu ngân sách nhà nước sau 2 năm (2021-2022) tăng khá đã đảo

chiều và giảm đáng kể (5,4%) trong năm 2023, chủ yếu là do ngoại thương giảm, DN còn khó khăn, làm thu hẹp dư địa chính sách tài khóa; (vi) Cơ cấu lại nền kinh tế và các DN yếu kém còn chậm; (vii) Thể chế cho các động lực tăng trưởng mới còn chậm ban hành trong khi thực thi công vụ chậm do tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm vẫn còn; (viii) Thị trường trái phiếu DN (TPDN), bất động sản (BDS) và vàng còn nhiều rủi ro.

Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2024

Với bối cảnh lạm phát và lãi suất còn cao, độ ngấm của tác động chính sách tiền tệ thắt chặt vừa qua, kinh tế thế giới (KTTG) năm 2024 được dự báo sẽ ít cải thiện so với năm 2023 khi các động lực tăng trưởng phục hồi chậm trong bối cảnh rủi ro địa chính trị, nợ, an ninh năng lượng và lương thực vẫn hiện hữu, lạm phát và lãi suất giảm nhưng còn ở mức cao.... Thương mại toàn cầu năm 2024 dự báo còn nhiều bất định, khó lường và có thể chỉ tăng 3,3-3,6% trong năm 2024 sau khi tăng nhẹ 0,8% trong năm 2023 (IMF, 12/2023). Đà phục hồi của hoạt động đầu tư vốn FDI còn chậm (nhất là trong bối cảnh đa số các nước áp dụng thuế tối

BẢNG 2: TÓM TẮT DỰ BÁO CÁC ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG NĂM 2024		
	Chỉ tiêu	2024
	Tăng trưởng GDP bình quân (%)	6,0 - 6,5
I	Động lực tăng trưởng hiện hữu (truyền thống):	
1	Nông - lâm - thủy sản (% GDP)	~ 12
2	Công nghiệp và xây dựng (% GDP)	38 - 40
3	Dịch vụ (% GDP)	42 - 45
4	Thuế SP trừ trợ cấp SP (% GDP)	6 - 7
II	Động lực tăng trưởng mới:	
1	Kinh tế số (% GDP)	~25
2	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP (%)	~ 42
3	Tốc độ tăng năng suất lao động (%/năm)	5 - 5,5
4	Kinh tế xanh:	
	Tỷ trọng đóng góp của kinh tế xanh vào GDP (% GDP)	~1,8
	Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP (% so với 2014)	-15
5	Cải cách thể chế (đóng góp vào tăng trưởng GDP, điểm %)	+0,05 → +0,27

Ghi chú: Bao gồm cả củng cố động lực hiện hữu và phát huy, khai thác động lực mới.

Nguồn: Đánh giá và dự báo của nhóm nghiên cứu BIDV

thiếu toàn cầu 15%) và cầu tiêu dùng còn yếu (nhất là ở thị trường Mỹ và Trung Quốc). Theo đó, các tổ chức quốc tế như: IMF, WB, OECD... đều hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 xuống thấp hơn so với năm 2023, tăng khoảng 2,4-2,9% (WB tháng 01/2024 và IMF tháng 12/2023), thấp hơn 0,1-0,6 điểm % so với mức tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 (3%), chủ yếu là do kinh tế Mỹ, Trung Quốc giảm đà phục hồi. Điểm tích cực là lãi suất sẽ giảm khi lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm (xuống mức khoảng 3-3,5%, từ mức 5,5% năm 2023).

Thuận lợi và khó khăn đối với kinh tế Việt Nam

Năm 2024, kinh tế vĩ mô trong nước dự báo sẽ đan xen cả thuận lợi và khó khăn, thách thức. Có 5 thuận lợi chính, bao gồm: (i) Kinh tế đang dần phục hồi vững chắc trên nền tảng các động lực tăng trưởng truyền thống (xuất khẩu phục hồi dần, đầu tư công và FDI được duy trì đà tăng và đầu tư tư nhân, tiêu dùng phục hồi tốt hơn), tăng trưởng GDP khoảng 6-6,5%; (ii) Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm, tỷ giá cơ bản ổn định và các cân đối lớn của nền kinh tế (cán cân thanh toán, cân đối ngân sách, nợ công, nợ nước ngoài...), an ninh năng lượng và an ninh lương thực được bảo đảm; (iii) Thể chế, môi trường đầu tư, kinh doanh kỳ vọng được cải thiện với việc nhiều đạo luật quan trọng được thông qua và đang dần có hiệu lực (như Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh BĐS, Luật Đất đai, Luật Tổ chức tín dụng, Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi... được thông qua);

(iv) Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất tạo ra cơ hội thu hút đầu tư, nguồn lực phát triển cho Việt Nam; (v) Chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, quan tâm thích ứng biến đổi khí hậu... tiếp tục là những xu hướng, ưu tiên quan trọng của Việt Nam, vừa là những động lực tăng trưởng mới, vừa là nền tảng phát triển bền vững

và bao trùm.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với 8 khó khăn, thách thức đã nêu trên, trong đó 2 thách thức, rào cản lớn nhất là tác động tiêu cực từ bên ngoài (nhất là đà tăng trưởng chậm lại của Mỹ và Trung Quốc) và tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm, chậm thực thi công vụ ở nhiều cơ quan Nhà nước có thể vẫn diễn ra nếu những cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ, không hình sự hóa quan hệ kinh tế chưa được luật hóa, cụ thể hóa.

Động lực tăng trưởng kinh tế năm 2024

Bất chấp những khó khăn hiện tại, nền kinh tế Việt Nam có nhiều triển vọng phục hồi tăng trưởng cao hơn trong năm 2024 - 2025 nếu Việt Nam phát huy tốt hơn những động lực tăng trưởng truyền thống và khai thác hiệu quả hơn những động lực mới.

Những động lực truyền thống

Các động lực từ phía cung gồm:

Thứ nhất, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là một trong những trụ đỡ của nền kinh tế Việt Nam, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP và giải quyết việc làm cho người dân. Khu vực này có tỷ trọng chiếm khoảng 11,4 - 12% tổng GDP và 26,9 - 28,5% tổng lao động cả nước giai đoạn 2016 đến nay. Sang năm 2024, khu vực này dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định và đóng góp khoảng 11,5 - 12% GDP và tăng khoảng 3,2-3,5%.

Thứ hai, khu vực công nghiệp và xây dựng (với tỷ trọng chiếm khoảng 38,2 - 39,7% GDP và 33,5% tổng

lao động cả nước từ năm 2016 đến nay là động lực tăng trưởng quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, logistics... tạo điều kiện thu hút đầu tư và tăng năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Trong đó, các ngành sản xuất chế biến, chế tạo định hướng xuất khẩu tiếp tục là động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Theo đó, động lực tăng trưởng từ khu vực này được dự báo sẽ duy trì đóng góp tích cực cho GDP (khoảng 38-40% GDP) và tăng khoảng 5,6 - 5,8% cả năm 2024.

Thứ ba, khu vực dịch vụ là động lực lớn nhất đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Khu vực này đóng góp khoảng 41 - 45% GDP (năm 2023, chiếm 42,54% GDP cả nước, tăng so với mức 41,33% của năm 2022) và đóng góp khoảng 38 - 39,6% tổng việc làm cả nước từ năm 2016 đến nay. Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh phát triển dịch vụ, kinh tế số, ứng dụng KHCN, phát triển công nghiệp văn hóa... khu vực này sẽ ngày càng phát triển với chất lượng và hiệu quả cao hơn và tăng khoảng 7 - 7,2% năm 2024.

Các động lực từ phía cầu gồm:

Thứ nhất, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ vốn đã và đang đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách Nhà nước và phát triển kinh tế, nay sẽ càng được phát huy khi Việt Nam tham gia nhiều FTA thế hệ mới và nâng cấp hợp tác chiến lược với nhiều đối tác là các nền kinh tế phát triển, có thị trường tiêu thụ lớn và tiêu chuẩn cao. Theo đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) hàng hóa năm 2024 dự báo tăng khoảng 7% so với năm 2023, trong đó xuất khẩu tăng 5 - 7%, nhập khẩu tăng 3 - 5%, cán cân thương mại tiếp tục thặng dư và đóng góp khoảng 20-25% vào mức tăng trưởng chung.

Thứ hai, động lực đến từ đầu tư (gồm đầu tư công, đầu tư tư nhân và FDI):

Vốn đầu tư công ở Việt Nam có tỷ trọng 25 - 25,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tương đương 8,33% GDP (theo TCTK năm 2023). Tỷ trọng này cao hơn so với quốc tế (bình quân tại các nước phát triển là khoảng 5% GDP và của các nền kinh tế đang phát triển là 7-8%) bởi nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng xanh của Việt Nam còn rất lớn, trong khi khu vực tư nhân và khu vực FDI chưa đầu tư nhiều vào khu vực này. Với định hướng Đại hội Đảng XIII (2021) coi phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại là 1 trong 3 đột phá chiến lược giai đoạn 2021-2030, cùng với các giải pháp quyết liệt của Quốc hội, Chính phủ, các bộ,

ngành, địa phương, dự báo dòng vốn này tiếp tục duy trì ở mức 25-26% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tương đương 9 - 10% GDP năm 2024.

FDI đã và vẫn sẽ là một trong những nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế Việt Nam, giúp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và hình thành một số ngành, sản phẩm mới, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao, hướng xuất khẩu. Theo Tổng cục Thống kê, trong năm 2023, thu hút vốn FDI đã tăng 32,1% (cao nhất kể từ năm 2016), khu vực FDI đóng góp khoảng 22,1% GDP, giải quyết việc làm cho khoảng 8,5 triệu lao động (tương đương 22,8% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế Việt Nam).

Dự báo năm 2024, Việt Nam duy trì tốt nền tảng chính trị, kinh tế ổn định, các chính sách thu hút đầu tư được duy trì và cải thiện, đặc biệt là Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị, Quyết định số 667/QĐ-CP ngày 2/6/2022 về hợp tác đầu tư nước ngoài, Nghị quyết số 107/2023/QH15 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập DN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, lực lượng lao động dồi dào, khâu đào tạo kỹ năng được chú trọng hơn, chi phí lao động và sinh hoạt ở mức trung bình, hội nhập quốc tế sâu rộng với 16 hiệp định thương mại tự do (FTAs), tăng cường hợp tác với các nền kinh tế lớn, phát triển và quan tâm tăng trưởng xanh... tiếp tục giúp Việt Nam duy trì vị thế là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, DN nước ngoài và công ty đa quốc gia. Theo đó, thu hút FDI có thể tăng 5 - 8% trong năm 2024.

Đầu tư tư nhân năm 2023 chiếm 56% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng khá so với mức 53,8% của năm 2022, tiếp tục trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, bổ sung, bù đắp cho những nguồn đầu tư truyền thống là đầu tư công và đầu tư FDI; và/hoặc lấp đầy những lĩnh vực, ngành nghề mà khu vực công và khu vực FDI không hoặc chưa quan tâm đầu tư hoặc bị hạn chế về nguồn lực. Tăng cường đầu tư tư nhân không chỉ là động lực mới, giải pháp về nguồn tài chính mới mà còn đảm bảo chất lượng dịch vụ và áp dụng công nghệ và ý tưởng mới. Theo đó, dòng vốn đầu tư này dự báo phục hồi trở lại, tăng khoảng 6-8%, đóng góp 60% tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2024.

Thứ ba, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,52% và đóng góp 41,04% vào tăng trưởng GDP cả nước năm 2023, tiếp tục là động lực truyền thống, quan trọng cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tỷ trọng quy mô tiêu dùng/ GDP của Việt Nam xếp ở nửa trên tại khu vực và thế

giới (đứng 5/10 ở ASEAN, thứ 18/38 ở châu Á và thứ 81/116 trên thế giới). Năm 2024, với nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của người dân và DN được dự báo sẽ tiếp tục tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP, ước tăng 5,5 - 6%, đóng góp khoảng 42-45% vào tăng trưởng chung 6-6,5% của kinh tế Việt Nam.

Những động lực tăng trưởng mới

Hiện nay, KT-XH toàn cầu đã và đang có những dịch chuyển theo nhiều xu hướng mới, trong đó, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng và ưu tiên cho "chăm sóc sức khỏe" đang là những "xúc tác" để các nền kinh tế hình thành và phát triển những động lực mới bổ sung cho những động lực truyền thống, phần nào đã suy yếu sau đại dịch COVID-19 và căng thẳng địa chính trị gần đây. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này, Nhóm Nghiên cứu nhận định những động lực mới bổ sung để Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng khá trong năm 2024, như sau:

Một là, động lực từ xu hướng phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, với việc hoàn thiện hành lang pháp lý; khắc phục dần các hạn chế về hạ tầng, nguồn nhân lực số, hệ sinh thái đổi mới - sáng tạo, an ninh mạng và bảo mật thông tin, dữ liệu; dự báo kinh tế số Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ về cả lượng và chất năm 2024 góp phần tăng quy mô và tốc độ tăng trưởng, tăng năng suất lao động, tính hiệu quả và bền vững. Dự báo, kinh tế số sẽ đóng góp khoảng 18-20% GDP và giúp GDP tăng thêm khoảng 0,63 - 1,35 điểm % trong các năm 2024-2025.

Hai là, động lực từ nâng cao năng suất lao động và TFP. Đây vừa là động lực tăng trưởng vừa là giải pháp để kinh tế Việt Nam nâng cao hiệu quả và chất lượng trong những năm tới. Năm 2023, ước tính năng suất lao động của Việt Nam đạt 3,77-4,76%, thấp hơn đáng kể so với mức mục tiêu 6,5%/năm của giai đoạn 2021-2025. Trong khi đó, TFP năm 2023 của Việt Nam ước tính đóng góp 43,8% vào tăng trưởng GDP, cao hơn mức 41,8% của năm 2022 nhưng vẫn thấp hơn bình quân 45,7% giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu 40-45 % giai đoạn 2021-2025.

Năm 2024, với đà tăng trưởng kinh tế tăng nhẹ so với năm 2023, dự báo năng suất lao động Việt Nam tăng lên 5 - 5,5% (cao hơn mục tiêu của Quốc hội đề ra là 4,8 - 5,3%, nhưng vẫn thấp hơn mức mục tiêu là 6,5% bình quân giai đoạn 2021-2025); tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP dự báo đạt khoảng 42%.

Ba là, động lực từ khu vực kinh tế tư nhân ngày càng quan trọng cho nền kinh tế, bổ sung và làm giàu các nguồn lực mà khu vực Nhà nước không làm hoặc không làm được; đóng góp 40 - 42% trong giai đoạn 2015 đến nay. Về triển vọng, nhờ tiếp tục ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển (như chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa, DN khởi nghiệp, DN đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao), sự phát triển của thương mại điện tử và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực này dự báo đóng góp 43 - 44% GDP các năm 2024-2025.

Bốn là, động lực từ hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế. Đây có thể đánh giá là động lực đột phá nhưng cũng khó thực hiện và có thể cần nhiều thời gian bởi động lực này giúp kiến tạo cơ chế mới, cách thức vận hành mới, tạo ra môi trường kinh doanh - đầu tư hấp dẫn, minh bạch. Việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế đã được thực tế và khoa học chứng minh có tác động tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng góp khoảng 0,05 - 0,27 điểm %/năm vào tăng trưởng GDP (tùy theo quy mô và chất lượng hoàn thiện thể chế).

Năm là, động lực từ lợi ích thiết thực của kinh tế xanh và chủ động thích ứng biến đổi khí hậu của Việt Nam. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cũng đã xác định mục tiêu, giải pháp nâng cao vai trò và đóng góp của tăng trưởng xanh. Trong đó, tỷ trọng đóng góp của kinh tế xanh năm 2024 khoảng 1,8% GDP, tạo cơ sở để tiến tới mục tiêu 3,3-3,5% GDP vào năm 2030.

Một số kiến nghị

Kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, song là nền kinh tế có độ mở cao, những thách thức bên ngoài và khó khăn nội tại đã tác động đến tăng trưởng cũng như khả năng chống chịu của nền kinh tế. Trong năm 2024, dù khó khăn có thể dịu bớt hơn so với năm 2023 nhưng cơ hội và thách thức đan xen, nên để lấy lại đà phát triển nhanh và bền vững, hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 6-6,5% như Quốc hội, Chính phủ đã đề ra, Nhóm Nghiên cứu kiến nghị tập trung 2 nhóm giải pháp chính như sau:

Nhóm giải pháp củng cố các động lực tăng trưởng hiện hữu

Những động lực tăng trưởng hiện hữu như xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng vẫn luôn là những động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, nhưng

những tác động tiêu cực từ bên ngoài và nội tại nền kinh tế đã và đang tác động tiêu cực tới những động lực truyền thống này. Do vậy, để củng cố những động lực truyền thống này, nhân rộng lan tỏa sang những động lực mới phù hợp với điều kiện của Việt Nam, Nhóm nghiên cứu kiến nghị 5 giải pháp như sau:

Một là, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 103/2023/QH15 ngày 9/11/2023 của Quốc hội và các chỉ thị, nghị quyết, nghị định của Chính phủ đã và sẽ ban hành; đặc biệt tiếp tục bám sát tình hình kinh tế, tài chính quốc tế; chủ động phân tích, dự báo diễn biến các thị trường quốc tế để có kịch bản chủ động ứng phó phù hợp; tiếp tục bình ổn, lành mạnh hóa các thị trường (chứng khoán, trái phiếu DN, bất động sản, xăng dầu, điện năng, vàng và thanh khoản ngân hàng...).

Hai là, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó cần chú trọng các động lực tăng trưởng hiện hữu bao gồm: (i) Giải ngân đầu tư công hiệu quả, đúng kế hoạch, trở thành vốn mồi cho các nguồn vốn khác; thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh hơn, bền vững hơn; theo đó, cần có đánh giá, rà soát việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân để có cập nhật, điều chỉnh phù hợp bối cảnh mới hiện nay; (ii) Kích cầu tiêu dùng nội địa; (iii) Quan tâm thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng của các đầu tàu nền kinh tế, (nhất là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng - đóng góp khoảng 32% GDP cả nước năm 2023) qua đó thúc đẩy liên kết vùng...

Ba là, tiếp tục phối hợp chính sách hiệu quả (đặc biệt giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác) nhằm kiểm soát lạm phát, giá cả, lãi suất và tỷ giá, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng.

Bốn là, quan tâm hỗ trợ DN chịu tác động tiêu cực từ suy giảm xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng bằng cách: Khai thác tốt hơn các FTA đã ký kết, đa dạng hóa thị trường, đối tác và sản phẩm...; Triển khai hiệu quả các biện pháp khuyến mại, kích cầu thương mại và du lịch trong nước; Rà soát, cập nhật và điều chỉnh cơ chế, chính sách thu hút FDI trong bối cảnh áp thuế toàn cầu (theo hướng tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, quyết tâm nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung vào khâu thể chế gồm cả thực thi, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo); Quyết liệt tháo gỡ các vướng mắc, rào

cản lớn đối với DN hiện nay, nhất là về vấn đề pháp lý, tiếp cận và hấp thụ vốn.

Năm là, chú trọng cơ cấu lại nền kinh tế (nhất là các DN nhà nước, dự án yếu kém, các tổ chức tín dụng yếu kém, đầu tư công...) nhằm thu hút và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn. Việc này đã bị chậm trễ thời gian qua do phải ưu tiên giải quyết những việc cấp bách trước (dịch bệnh, thiên tai, suy giảm tăng trưởng...); nay cần quan tâm hơn và kiên trì, nhất quán thực hiện như nhiều quốc gia đang làm sau dịch bệnh, xung đột vũ trang...

Nhóm giải pháp phát huy, khai thác động lực tăng trưởng mới

Bên cạnh việc củng cố những động lực tăng trưởng truyền thống, việc phát huy, khai thác những động lực tăng trưởng mới nhằm phát triển nhanh, bền vững trong các năm 2024-2025 cần quan tâm thực hiện 4 giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy nhanh tiến trình hoàn thiện và hiệu quả thực thi thể chế (nhất là các đạo luật quan trọng đã được thông qua như nêu trên...); chú trọng khâu hướng dẫn, thực thi các bộ luật mới được thông qua, các qui hoạch - chiến lược phát triển kinh tế vùng đã ban hành; quan tâm xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng.

Thứ hai, thúc đẩy tăng trưởng xanh; chủ động thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Theo đó, sớm ban hành tiêu chí xanh cho các dự án, lĩnh vực cụ thể, có cơ chế động lực và chế tài cụ thể nhằm thúc đẩy xanh hóa, tăng cường truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm chung tay xanh hóa sản xuất - tiêu dùng.

Thứ ba, các bộ ngành cùng DN chủ động triển khai các giải pháp cụ thể nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam nói chung và DN Việt Nam nói riêng trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong đó, tập trung hơn phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, tận dụng tốt hơn các FTA để tăng cường kết nối với các đối tác chiến lược cả thượng nguồn và hạ nguồn, kết nối DN FDI và trong nước...

Thứ tư, quan tâm cải thiện chất lượng tăng trưởng, trong đó tập trung tăng năng suất lao động (xem xét thành lập Ủy ban năng suất quốc gia); đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế nhằm phân bổ, sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn; xây dựng chiến lược và giải pháp tăng tính độc lập, tự chủ, tự cường và nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế.